

**Công ty CP Chứng khoán
VNDIRECT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Số: 995 /2026/BC-QTRR

Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ**

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Công ty cổ phần chứng khoán VNDIRECT xin báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ từ ngày 01/09/2026 đến 30/09/2026 năm 2026 như sau:

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA			AAA
2	ABT			ABT
3	ACB			ACB
4	ACG			ACG
5	ACL			ACL
6	ADS			ADS
7	AGG			AGG
8	AGR			AGR
9	ANV			ANV
10	ASM			ASM
11	AST			AST
12	BAF			BAF

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
13	BCM			BCM
14	BFC			BFC
15	BIC			BIC
16	BID			BID
17	BMC			BMC
18	BMP			BMP
19	BSI			BSI
20	BSR			BSR
21	BVH			BVH
22	BWE			BWE
23	C32			C32
24	CCL			CCL
25	CDC			CDC
26	CHP			CHP
27	CII			CII
28	CKG			CKG
29	CLC			CLC
30	CLL			CLL
31	CMG			CMG
32	CNG			CNG
33	CRC			CRC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
34	CSM			CSM
35	CSV			CSV
36	CTD			CTD
37	CTF			CTF
38	CTG			CTG
39	CTI			CTI
40	CTR			CTR
41	CTS			CTS
42	CVT			CVT
43	D2D			D2D
44	DBC			DBC
45	DBD			DBD
46	DC4			DC4
47	DCL			DCL
48	DCM			DCM
49	DGW			DGW
50	DHA			DHA
51	DHC			DHC
52	DHG			DHG
53	DIG			DIG
54	DMC			DMC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
55	DPG			DPG
56	DPM			DPM
57	DPR			DPR
58	DRC			DRC
59	DSC			DSC
60	DSE			DSE
61	DSN			DSN
62	DVP			DVP
63	DXG			DXG
64	DXS			DXS
65	EIB			EIB
66	ELC			ELC
67	EVE			EVE
68	EVF			EVF
69	EVG			EVG
70	FCN			FCN
71	FIR			FIR
72	FIT			FIT
73	FMC			FMC
74	FPT			FPT
75	FRT			FRT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
76	FTS			FTS
77	GAS			GAS
78			GDT	GDT
79	GEE			GEE
80	GEG			GEG
81	GEL			GEL
82	GEX			GEX
83	GIL	GIL		
84	GMD			GMD
85	GSP			GSP
86	GVR			GVR
87	HAG			HAG
88	HAH			HAH
89	HAX			HAX
90	HCD			HCD
91	HCM			HCM
92	HDB			HDB
93	HDC			HDC
94	HDG			HDG
95	HHP			HHP
96	HHS			HHS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
97	HHV			HHV
98	HPA			HPA
99	HPG			HPG
100	HPX			HPX
101	HQC			HQC
102	HSG			HSG
103	HT1			HT1
104	HTG			HTG
105	HTI			HTI
106	HTN			HTN
107	HUB			HUB
108	HVH			HVH
109	ICT			ICT
110	IDI			IDI
111	IJC			IJC
112	ILB			ILB
113	IMP			IMP
114	ITC			ITC
115	KBC			KBC
116	KDC			KDC
117	KDH			KDH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
118	KHG			KHG
119	KHP			KHP
120	KLB	KLB		
121	KSB			KSB
122	LBM			LBM
123	LCG			LCG
124	LHG			LHG
125	LIX			LIX
126	LPB			LPB
127	LSS			LSS
128	MBB			MBB
129	MCH			MCH
130	MCM			MCM
131	MIG			MIG
132	MSB			MSB
133	MSH			MSH
134	MSN			MSN
135	MWG			MWG
136	NAB			NAB
137	NAF			NAF
138	NBB			NBB

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
139	NCT			NCT
140	NHH			NHH
141	NKG			NKG
142	NLG			NLG
143	NNC			NNC
144	NO1			NO1
145	NSC			NSC
146	NT2			NT2
147	NTC			NTC
148	NTL			NTL
149	NVL			NVL
150	OCB			OCB
151	ORS			ORS
152	PAC			PAC
153	PAN			PAN
154	PC1			PC1
155	PDR			PDR
156	PET			PET
157	PGC			PGC
158	PGD			PGD
159	PHC			PHC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
160	PHR			PHR
161	PLX			PLX
162	PNJ			PNJ
163	POW			POW
164	PPC			PPC
165	PTB			PTB
166	PVD			PVD
167	PVP			PVP
168	PVT			PVT
169	RAL			RAL
170	REE			REE
171	SAB			SAB
172	SAM			SAM
173	SAV			SAV
174	SBA			SBA
175	SBG			SBG
176	SBT			SBT
177	SCR			SCR
178	SCS			SCS
179	SFG			SFG
180	SFI			SFI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
181	SGN			SGN
182	SGR			SGR
183	SGT			SGT
184	SHB			SHB
185	SHI			SHI
186	SIP			SIP
187	SJD			SJD
188	SJS			SJS
189	SKG			SKG
190	SMB			SMB
191	SRC			SRC
192	SSB			SSB
193	SSI			SSI
194	STB			STB
195	STK	STK		
196	SVC			SVC
197	SZC			SZC
198	SZL			SZL
199	TAL			TAL
200	TCB			TCB
201	TCH			TCH

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
202	TCI			TCI
203	TCL			TCL
204	TCM			TCM
205	TCO			TCO
206	TCX			TCX
207	TDC			TDC
208	TDM			TDM
209	THG			THG
210	TIP			TIP
211	TLG			TLG
212	TMS			TMS
213	TPB			TPB
214	TRA			TRA
215	TRC			TRC
216	TTA			TTA
217	TV2			TV2
218	TVS			TVS
219	VAB			VAB
220	VCB			VCB
221	VCG			VCG
222	VCI			VCI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
223	VCK			VCK
224	VDS			VDS
225	VFG			VFG
226	VGC			VGC
227	VHC			VHC
228	VHM			VHM
229	VIB			VIB
230	VIC			VIC
231	VIP			VIP
232	VIX			VIX
233	VJC			VJC
234	VNM			VNM
235	VOS			VOS
236	VPB			VPB
237	VPI			VPI
238	VPL			VPL
239	VPX			VPX
240	VRC			VRC
241	VRE			VRE
242	VSC			VSC
243	VTO			VTO

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
244	VTP			VTP
245	VVS			VVS
246	YEG			YEG

Đường link đăng tải thông tin nói trên trên website của công ty:
https://www.vndirect.com.vn/danh_muc_quan_he_co_dong/cong-bo-thong-tin/

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.
 Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh.

Người lập



Nguyễn Thị Mai Linh

Người duyệt



Nguyễn Lê Nam

Tổng Giám đốc




Nguyễn Vũ Long

